

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2017/HC-PT

Ngày 20/9/2017

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sáng

Các thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 227/2017/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 09/2017/HC-ST ngày 23 tháng 2 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 347/2017/QĐ - PT ngày 02 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Võ Thị T, sinh năm 1935;

Địa chỉ: Số 68, đường P1, phường 2, thị xã K, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công M

Địa chỉ: 141/19, đường số 27, Phường 6, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H – Ông Trần Văn D; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Văn N, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp B1, xã B2, huyện H, tỉnh A.

- Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1955;

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: ấp B1, xã B2, huyện M, tỉnh A; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Võ Văn N, ông Nguyễn Văn X (địa chỉ đã ghi như phần trên).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện bà Võ Thị T trình bày:

Năm 1982, thực hiện chủ trương nhường cơm xẻ áo, ông Võ Văn N, ông Nguyễn Văn X và ông L được Ủy ban nhân dân xã B3 cấp mỗi hộ một lô thổ cư trên phần đất của bà T, chiều dài từ mép sông Vàm Cỏ Tây vào 90m, phần đất còn thừa lại bà T tiếp tục quản lý, canh tác. Việc chia đất nhường cơm xẻ áo này được ông Nguyễn Văn Hoài (nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B3) và bà Nguyễn Thị Mộng V (cán bộ tham gia đoàn cấp đất) xác nhận. Bà T đã kiểm tra, từ mép sông Vàm Cỏ Tây đến ranh giáp thửa 1336, gồm chiều dài thửa 189 và thửa 191 đến mép sông Vàm Cỏ Tây ông N đang quản lý, canh tác hiện nay là 120m chứ không phải là 90m theo giao đất của Ủy ban nhân dân xã B3.

Sau khi nhận đất, 03 hộ trên đã chủ động đắp bờ ranh các thửa 189, 191 và 921 tờ bản đồ số 4 trên phần đất của ông Trần Văn Q, phần đất còn lại (thửa 1336), bà T và các con đang quản lý, canh tác theo ranh giới đó từ trước đến nay. Bà T, sau này là con bà đang sử dụng ổn định trên thửa 1336, tờ bản đồ số 4 như hiện nay, không lấn ranh và không có biến động về thửa đất trên, điều này đã được ông Trần Minh N, ông Phạm Tấn H có thửa đất giáp thửa 1336 và ông Nguyễn Văn T trưởng ấp B1, xã B2 xác nhận.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân huyện H cấp cho chồng bà là ông Trần Văn Q (1931-2013) là không đúng hiện trạng thửa đất 1336. Cụ thể Ủy ban nhân dân huyện H cấp thửa 189 của ông Võ Văn N chồng lấn qua thửa đất bà T đang quản lý canh tác diện tích 470,38m² và cấp cho thửa 191 của ông Nguyễn Văn X qua thửa đất bà T quản lý sử dụng diện tích 95,65m². Như vậy

việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X và ông N là không đúng theo hiện trạng sử dụng đất, đã lấn sang phần đất mà bà T đang sử dụng (bà T đang sử dụng 3.845,6m²).

Nay bà T khởi kiện yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho ông Võ Văn N đối với thửa 189, cấp cho ông Nguyễn Văn X đối với thửa 191, đều thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B1, xã B2, huyện H, tỉnh A.

Người bị kiện trình bày:

Vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Võ Văn N và ông Nguyễn Văn X thường trú tại ấp B1, xã B2, huyện H và đã đến Ủy ban nhân dân xã B2 kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn N và ông Nguyễn Văn X là đúng đối tượng.

Ngày 06/4/1997, ông Nguyễn Văn X có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 24.996m² gửi đến Hội đồng đăng ký xét duyệt xã B2.

Ngày 21/6/1997, ông Võ Văn N có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 42.439m² gửi đến Hội đồng đăng ký xét duyệt xã B2.

Ngày 25/9/1997, Ủy ban nhân dân xã B2 có Tờ trình số 123 đề nghị Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã trong đó có hộ ông Võ Văn N và ông Nguyễn Văn X)

Ngày 30/9/1997, Phòng địa chính có tờ trình số 48/TT.ĐC về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tổng số hộ đủ điều kiện được cấp 699 hộ, trong đó có hộ ông Võ Văn N, ông Nguyễn Văn X với diện tích 24.996m²). Ủy ban nhân dân huyện H có quyết định 449/QĐ.UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 699 hộ với tổng diện tích 18.467.935m² sử dụng đất tại xã B2 (trong đó có hộ ông N và ông X).

Như vậy về đối tượng, trình tự thủ tục cấp giấy đối với hộ ông Nguyễn Văn X và Võ Văn N là đúng với trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, có sự chồng lấn qua lại về vị trí đất, diện tích, hình thể thửa đất được nêu tại công văn số 689/UBND-TNMT ngày 29/6/2016 ở thửa 1336, diện tích 3.829m² theo hiện trạng thì có một phần diện tích của thửa 189 cho ông N và thửa 191 cho ông X. Đồng thời 1 phần diện tích theo hiện trạng ông Nguyễn Văn L đang sử dụng nhưng lại cấp giấy chứng nhận cho ông Trần Văn Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Võ Văn N và ông Nguyễn Văn X trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 189, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B1 cho ông Võ Văn N và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 191, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B1 cho ông Nguyễn Văn X là hoàn toàn đúng quy trình và phù hợp với pháp luật; ông X và ông N xác định từ trước đến nay không có sử dụng phần đất đang tranh chấp và ranh giới là 1 đường thẳng cách nay 7-8 năm, lúc này ông Q vẫn còn sống.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 23 tháng 2 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Tuyên xử:

1. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L079576 , số vào sổ 00334/QSDĐ.1206 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/9/1997 cho ông Võ Văn N tại thửa 189, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.421m², đất tọa lạc tại ấp B1, xã B2, huyện H, tỉnh A.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L572892, số vào sổ 00623/QSDĐ.1206 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/9/1997 cho ông Nguyễn Văn X tại thửa 191, tờ bản đồ số 3, diện tích 1,856m², đất tọa lạc tại ấp B1, xã B2, huyện H, tỉnh A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/3/2017 ông Nguyễn Văn X và ông Võ Văn N kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Ông Võ Văn N và ông Nguyễn Văn X đều giữ yêu cầu kháng cáo cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật, không đồng ý theo bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Tại phiên tòa, người bị kiện nêu ý kiến là các công văn của đại diện người bị kiện trả lời có sự lấn chiếm là không chính xác vì chưa thẩm tra lại toàn bộ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà T, ông X và ông N nên cần phải thu

thập để xác định lại toàn bộ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ba người nêu trên; do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự; ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T, hủy một phần các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Văn N (Giấy chứng nhận số L079576, vào sổ số 00334/QSĐĐ.1206 do UBND huyện H cấp ngày 30/9/1997, tại thửa 189, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.421m²); ông Nguyễn Văn X (Giấy chứng nhận L.572892, vào sổ số 00623/QSĐĐ cấp ngày 30/7/1997, tại thửa 191, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.856m²) tại ấp B1, xã B2, huyện H, tỉnh A. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N và ông Nguyễn Văn X kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai ông là đúng pháp luật.

[2] Phần đất đang sử dụng của ông X và ông N có nguồn gốc là năm 1992, thực hiện chủ trương “nhường cơm sẻ áo”, UBND xã B3 có lấy phần đất của hộ bà T cấp cho ông N, ông X và ông L được tính từ mép sông Vàm Cỏ Tây vào trong, phần còn lại gia đình bà T tiếp tục sử dụng. Sau khi nhận đất xong, các hộ này đắp bờ ranh các thửa 189 (ông Võ Văn N), thửa 191 (ông Nguyễn Văn X) và thửa 921 (ông Nguyễn Văn L), các bên sử dụng đất ổn định, không ai tranh chấp và được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Đối với phần đất còn lại của hộ bà Võ Thị T thuộc thửa đất 1136, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.829m² và được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 658046 ngày 30/8/2008).

[3] Quá trình sử dụng đất, các bên đương sự phát hiện một phần thửa đất 1136 (được cấp cho hộ bà T), thực tế hộ bà T sử dụng nhưng lại thuộc về phần diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn N có 470m², ông Nguyễn Văn X có 95,65m²; các bên đang tranh chấp vụ án dân sự về quyền sử dụng đất (Quyết định tạm đình chỉ số 14/2016/QĐST-DS ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, chờ giải quyết vụ án hành chính). Việc sử dụng đất của ông X, ông N và bà T, các bên đã rào ranh và sử dụng ổn định từ năm 1982, ông N, ông X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, hộ bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008.

[4] Thừa đất của ông X, ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1997) trước thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T (2008), Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại các Công văn số 1387/UBND/TNMT ngày 22/12/2016 và Công văn số 689/UBND-TNMT ngày 29/6/2016 của UBND huyện H trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục nhưng có sự chồng lấn qua lại về vị trí, diện tích, hình thể thửa đất. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Q (bà T), ông N và ông X có sai sót, theo đó hủy một phần đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên (ông X, ông N) nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với hộ bà T vẫn tồn tại.

[5] Hộ bà Võ Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi một phần đất bà T đang sử dụng thể hiện trên giấy chứng nhận của ông X, ông N. Theo tài liệu hồ sơ vụ án còn thể hiện một phần hiện trạng đất của hộ ông Nguyễn Văn L đang sử dụng nhưng lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T (Công văn số 689/UBND-TNMT ngày 29/6/2016). Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T đối với thửa đất 1136 (tờ bản đồ số 4, diện tích 3.829m²) không đúng với hiện trạng đất đang sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tính hợp pháp đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà T vì một phần hiện trạng đất của ông L được cấp trên giấy cho hộ bà T, có liên quan chặt chẽ và là căn cứ để xem xét tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N, ông X. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị kiện trình bày rằng nội dung các công văn trên có phần chưa chính xác, chưa đo đạc thực tế để kiểm tra có việc chồng lấn, đề nghị phải kiểm tra lại toàn bộ diện tích đất mới có căn cứ xác định có chồng lấn hay không. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm, xác định đối tượng là các quyết định hành chính (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; do đó, phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Văn N, ông Nguyễn Văn X;

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” giữa Người khởi kiện bà Võ Thị T kiện Người bị kiện UBND huyện H, tỉnh Long An;

Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Võ Văn N và ông Nguyễn Văn X theo phiếu thu 0000689 ngày 08/3/2017 và 0000690 ngày 08/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSND cấp cao tại TPHCM
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- THADS tỉnh Long An;
- NKK (1).
- NBK (1)
- NLQ (2)
- Lưu hồ sơ (3).13b.(Án 18)

(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Sáng

Trần Xuân Minh

Đặng Văn Ý

Huỳnh Sáng